

Số: **21/2022/QĐST-DS**

*Ninh Hòa, ngày 23 tháng 5 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST-DSST ngày 07 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số .., đường 16/7, tổ dân phố .., phường NH, thị xã NH, tỉnh KH.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số .., đường 16/7, tổ dân phố .., phường NH, thị xã NH, tỉnh KH.

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH;

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH.

## **2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **2.1. Các đương sự đều thống nhất xác nhận:**

#### **2.1.1. Về quan huyết thống:**

\* Xác nhận cụ Nguyễn Hữu L, sinh năm 1935 (chết năm 1970) và cụ Lê Thị B, sinh năm 1934 (chết năm 2007) có 03 người con là:

1. Nguyễn Hữu L, sinh năm 1956, chết năm 2011
2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1963
3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Ngoài ra, cụ L và cụ B không có con nuôi, con riêng nào khác. Các cụ không có người vợ, người chồng nào khác.

\* Xác nhận ông Nguyễn Hữu L (đã chết) và bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1971, có 02 (hai) người con đẻ gồm: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1995. Ngoài 02 (hai) người con này, ông L và bà N không có con đẻ, con nuôi hay con riêng nào khác.

#### **2.1.2. Về di sản thừa kế:**

Xác nhận di sản của cụ Nguyễn Hữu L và cụ Lê Thị B để lại là thừa đất diện tích 2.112m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 403, tờ bản đồ số 32 tại địa chỉ thôn TM, xã NQ, thị xã NH, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị B ngày 09 tháng 6 năm 1997, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền gạch men, diện tích xây dựng 102,8m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,0m<sup>2</sup>; 01 hồ nước có diện tích 4,0m<sup>2</sup> hiện do bà Võ Thị Kim N, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đang quản lý, sử dụng. Ngoài di sản trên, cụ Nguyễn Hữu L và cụ Lê Thị B không còn di sản nào khác.

**2.2. Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:** Các đương sự thống nhất phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu L và cụ Lê Thị B để lại là nhà đất trên diện tích 2.048,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 403, tờ bản đồ số 32 tại địa chỉ thôn TM, xã NQ, thị xã NH (không yêu cầu phân chia di sản nào khác). Diện tích đất hộ cụ Lê Thị B được cấp theo số 0047/QSDĐ/NQ-NH ngày 09/6/1997 của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa là 2.112m<sup>2</sup>. Diện tích đo vẽ hiện trạng là 2.048,3m<sup>2</sup>. Các đương sự đồng ý phân chia theo diện tích đo vẽ hiện trạng, không có ý kiến thắc mắc gì.

Phân chia nhà đất trên làm ba phần cho bà Nguyễn Thị T; bà Võ Thị Kim N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị N sử dụng theo đúng hiện trạng mốc giới đã xác định trong Mảnh trích đo địa chính số 96-2022. Cụ thể như sau: *(có Mảnh trích đo địa chính và Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất kèm theo)*

**2.2.1.** Bà Nguyễn Thị T được hưởng kỷ phần là 530m<sup>2</sup> (trong đó: có 80m<sup>2</sup> đất ONT, 450 m<sup>2</sup> đất CLN), ký hiệu lô 01 trên Mảnh trích đo địa chính số 96-2022.

**2.2.2.** Bà Võ Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được hưởng kỷ phần là 988,3m<sup>2</sup> (trong đó: có 120m<sup>2</sup> đất ONT, 868,3 m<sup>2</sup> đất CLN) và toàn bộ căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền gạch men, diện tích xây dựng 102,8m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,0m<sup>2</sup>; 01 hồ nước có diện tích 4,0m<sup>2</sup>, ký hiệu lô 02 trên Mảnh trích đo địa chính số 96-2022.

**2.2.3.** Bà Nguyễn Thị N được hưởng kỷ phần là 530m<sup>2</sup> đất CLN, ký hiệu lô 03 trên Mảnh trích đo địa chính số 96-2022.

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng nhà đất theo quy định pháp luật.

**2.3.** Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 4.069.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà Thơ đã nộp.

#### **2.4. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 906.250 đồng (Chín trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0009722 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 93.750 đồng (Chín mươi ba nghìn bảy năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009722 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

- Bà Võ Thị Kim N và anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 6.003.739 đồng (Sáu triệu không trăm linh ba nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 596.250 đồng (Năm trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**\* Quy định chung:** Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi phát sinh đối với khoản tiền chi phí tố tụng 4.069.000 đồng cho đến khi thanh toán xong, lãi suất tính theo mức 10%/năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Viết Trung**